TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 477/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 126/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 101, Tỉnh lộ 8, Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Mai Tuấn K, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 101, Tỉnh lộ 8, Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/01/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, nguyên đơn bà Lê Thị Thu N trình bày:

Bà và ông Mai Tuấn K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân

dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/2008. Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông K không lo làm ăn, nhiều lần gây nợ do cờ bạc phải bán nhà. Bà đã cố gắng hàn gắn, bỏ qua để cùng ông K chăm lo cho các con, lo cho gia đình nhưng ông K không thay đổi. Vợ chồng bà ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông K cũng không chăm lo cho các con và bà đang là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho các con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu ly hôn với ông Mai Tuấn K.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Mai Lê H, sinh ngày 19/7/2009 và Mai Lê T, sinh ngày 22/10/2014. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Theo bản tự khai ngày 28/02/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, bị đơn ông Mai Tuấn K trình bày:

Ông và bà N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông ham chơi cờ bạc, thiếu nợ người khác phải bán căn nhà của mẹ ruột. Ông còn thương vợ con, muốn đoàn tụ, cùng nhau chăm lo cho các con, xây dựng lại hạnh phúc gia đình. Ông không muốn ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Mai Lê H, sinh ngày 19/7/2009 và Mai Lê T, sinh ngày 22/10/2014. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Tại phiên tòa ông K vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị Thu N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Mai Tuấn K hiện đang cư trú tại số 101, Tỉnh lộ 8, Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Mai Tuấn K đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng

ông K vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Thu N và ông Mai Tuấn K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/2008.

Xét lời trình bày của bà N thì sau kết hôn giữa bà và ông K đã có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông K nhiều lần gây nợ do cờ bạc, thiếu nợ phải bán nhà lẫn trốn chủ nợ. Chủ nợ nhiều lần đến quậy phá gây áp lực lên gia đình và người thân. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Mai Tuấn K.

Bà N và ông K hòa giải tại Tòa án không thành. Ông K đã được Tòa án triệu tập nhưng ông không đến tòa. Ông K không có giải pháp đoàn tụ, không lo làm ăn, không chăm lo cho các con. Vợ chồng bà ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Cả hai không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông K là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà N và ông K có 02 (hai) con chung tên Mai Lê H, sinh ngày 19/7/2009 và Mai Lê T, sinh ngày 22/10/2014. Bà N và ông K đều yêu cầu nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy bà N đang trực tiếp chăm sóc và sống ổn định với trẻ H và trẻ T. Trẻ H và trẻ T có nguyện vọng sống chung với mẹ. Để ổn định tâm lý cho trẻ, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên giao con chung Mai Lê H và Mai Lê T cho bà Lê Thị Thu N nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà N tạm thời không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Ông Mai Tuấn K vắng mặt tại phiên tòa. Nếu ông K có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Thu Nga phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu N là được ly hôn với ông Mai Tuấn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/2008 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Giao trẻ Mai Lê H, sinh ngày 19/7/2009 và Mai Lê T, sinh ngày 22/10/2014 cho bà Lê Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Lê Thị Thu N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0020707 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

[6] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thủy